

Số: 39/ BC-THPTTH-GL

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2025

## **BÁO CÁO**

### **CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2025 - 2026**

*- Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong năm học.*

*- Công văn số 3558/SGDĐT-GDTrH-GDTTYTNN ngày 08/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp trung học phổ thông năm học 2025-2026;*

*- Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-THPTTH-GL ngày 12 tháng 9 năm 2025 của trường THPT Tô Hiệu – Gia Lâm về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025 – 2026 và xét tình hình thực tế của nhà trường.*

Trường THPT Tô Hiệu – Gia Lâm thực hiện công tác công khai đầu năm học 2025 – 2026 như sau:

### **NỘI DUNG CÔNG KHAI**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC**

##### **Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục:**

1. Tên đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu – Gia Lâm
2. Địa chỉ: Số 163, đường Ý Lan, xã Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại: 0243 8766 666

Email: [c3tohieu@hanooiedu.vn](mailto:c3tohieu@hanooiedu.vn)

Trang web: <https://thpttohieugialam.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường tư thực.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

\* **Sứ mạng:** "Xây dựng được nhà trường dạy và học có nề nếp - kỷ cương - đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng".

\* **Tầm nhìn:** "Đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng".

\* **Mục tiêu:**

a) Mục tiêu chung: Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện hoàn cảnh bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia ngay vào cuộc sống lao động, thích nghi được trước những tác động của bối cảnh kinh tế, xã hội, sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, hội nhập quốc tế.

b) Mục tiêu về kết quả rèn luyện:

Khối lớp	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %
Khối 10	95	4	1	0
Khối 11	95	3.5	1	0.5
Khối 12	98	2	0	0

c) Mục tiêu về kết quả học tập

Khối	Tổng (hs)	Xếp loại							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%
10	107	15	14.02	72	67.29	20	18.69	0	

11	220	65	29.54	147	66.81	8	3.36		
12	268	155	57.84	113	42.16				

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu – Gia Lâm được thành lập theo quyết định số 2457/QĐ của UBND Thành phố Hà Nội ngày 26 tháng 07 năm 1996 về việc thành lập Trường PTTH Dân lập Tô Hiệu; theo quyết định số 217/QĐ của UBND Thành phố Hà Nội ngày 11 tháng 01 năm 2011 về việc đổi tên Trường PHTH Dân lập Tô Hiệu thành Trường THPT Tô Hiệu – Gia Lâm.

Trường có 14 phòng học, 02 phòng thực hành thí nghiệm (Vật lí, Hóa học, Sinh học), 01 phòng vi tính, 01 thư viện, 01 phòng y tế, 01 sân đa năng. Tổng diện tích sân chơi, bãi tập 1200m<sup>2</sup>. Trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 44 người (cơ hữu: 17, Hợp đồng:27;) trong đó trình độ trên đại học là 14, đại học là 30.

Trường có tổng số học sinh là 594 học sinh/14 lớp với khoảng 287 đoàn viên Chi đoàn tại thời điểm báo cáo.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, cơ sở vật chất không ngừng được đầu tư đảm bảo trang thiết bị phục vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý, trong giảng dạy và các mô hình học tập: hai buổi/ngày và các hoạt động khác. Với định hướng "lấy học sinh làm trung tâm", các hoạt động giáo dục của nhà trường được thiết kế phong phú, đa dạng và giàu sức sáng tạo nhằm khơi dậy niềm đam mê học tập và năng lực tự học ở học sinh. Học sinh được chú trọng phát triển năng lực tư duy, lãnh đạo, hợp tác và khả năng giải quyết vấn đề.

#### 6. Người đại diện pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 163, đường Ý Lan, xã Gia Lâm, Hà Nội.

Số điện thoại: 0935721966

Email: linhanh1966@gmail.com

#### 7. Tổ chức bộ máy

Quyết định số 2458/QĐ-UB ngày 26/7/1996 của Chủ tịch Ủy ban thành phố Hà Nội về việc thành lập trường Phổ thông trung học dân lập Tô Hiệu.

Quyết định số 217/QĐ-UB ngày 13/1/2011 của Chủ tịch Ủy ban thành phố Hà Nội về việc cho phép trường THPT dân lập Tô Hiệu được chuyển đổi từ loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục.

Quyết định số 1594/QĐ-SGD&ĐT ngày 11/4/1916 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc cho phép Trường trung học phổ thông Tô Hiệu được chuyển đổi địa điểm hoạt động từ năm học 2021- 2022.

Hội đồng trường được thành lập tại Quyết định số: QĐ Về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu – Gia Lâm, Số 1274/QĐ-SGDĐT ngày 29/05/2025, thời hạn: 05 năm

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tuấn Khoa	12/4/1976	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	29/4/1966	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	30/08/1991	Thành viên
4	Ông Phùng Văn Lập	10/07/1966	Thành viên
5	Ông Nguyễn Trung Kiên	04/03/1982	Thành viên

Quyết định số 605/QĐ-SGDĐT ngày 11/3/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội về việc công nhận Phó hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Tô Hiệu – Gia Lâm cho bà Nguyễn Thị Lan Hương.

8. Các văn bản khác của trường:

- Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026
- Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2025 – 2026
- Kế hoạch kiểm tra nội bộ
- Kế hoạch CNTT, Y tế
- Kế hoạch Giáo dục chính trị trong học sinh năm học 2025 – 2026,....

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

### **Điều 8: Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông**

\*Cán bộ quản lý

- Phó hiệu trưởng: 01. Trình độ trên đại học: 01
- \*Tổng số giáo viên: 41 người
- Trình độ giáo viên đại học: 30 người; trên đại học: 11 người
- Giáo viên cơ hữu: 15 người, chiếm 36,6%
- Giáo viên thỉnh giảng: 26 người, chiếm 63,4%
- \*Tổng số nhân viên: 4 người
- Cán bộ y tế: 1 người
- Nhân viên kế toán: 1 người
- Nhân viên lao công: 2 người

TT	Môn	Số lượng giáo viên			Trình độ chuyên môn	
		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
1	Toán	6	6	0	100%	2
2	Văn	6	3	3	100%	2
3	Lý	2	0	2	100%	1
4	Tin	2	0	2	100%	1
5	Hoá	2	1	1	100%	1
6	Sinh	3	0	3	100%	1
7	Ngoại ngữ	5	0	5	100%	0
8	Sử	4	0	4	100%	2
9	Địa	3	1	2	100%	0
10	GDTC	3	1	2	100%	0
11	GDQP	2	0	2	100%	0
12	GDKT&PL	3	1	2	100%	1

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng diện tích đất: 2400 m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sử dụng: 2000 m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sân chơi: 1200 m<sup>2</sup>

\* *Phòng học văn hóa*

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Cấp 4
Phòng học văn hóa	14	14		

**\*Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)**

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn
1. Vật lý				
<i>Phòng chuẩn bị</i>	<i>1</i>	<i>24 m<sup>2</sup></i>		
2. Hóa học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>	<i>1</i>	<i>24 m<sup>2</sup></i>		
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>	<i>1</i>	<i>24 m<sup>2</sup></i>		
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học	1	52 m <sup>2</sup>		
<i>Số máy vi tính</i>	22	x	x	x
7. Phòng đa năng				
8. Thư viện				
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>		x	x	X
9. Nhà thể chất				
10. Phòng Y tế	1	22 m <sup>2</sup>		

**\* Trang thiết bị phục vụ dạy học**

<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Đang sử dụng</b>	<b>Không sử dụng được</b>
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 1 chỗ ngồi	0	0	0
+ Loại 2 chỗ ngồi	360	360	0
2. Bàn ghế giáo viên	15	15	0
3. Bảng	18	18	0
+ <i>Bảng viết</i>	18	18	0
+ <i>Bảng thông minh hoặc Tivi</i>	5	5	0
4. Máy vi tính			
<i>Chia ra:</i>	22	22	0
+ <i>Dùng cho HS</i>			
+ <i>Dùng cho Quản lý</i>	2	2	0
+ <i>Kết nối Internet</i>	24	24	0
5. Số máy in, máy scan	2	2	0
6. Máy chiếu Projecter	9	9	0
7. Máy chiếu vật thể	0	0	0
8. Máy photocopy	2	2	0
9. Khác			

**\*Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT**

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học	Bộ	1	1	1	
2	Vật lý	Bộ	1	1	1	
3	Hoá Học	Bộ	1	1	1	
4	Sinh học	Bộ	1	1	1	
5	Địa lý	Tờ	5	5	5	
6	Công nghệ	Cái	x	x	x	
7	Giáo dục công dân	Tờ	3	3	3	
8	Lịch sử	Tờ	3	3	3	
9	Tin học	Cái	x	x	x	
10	Văn học	Tờ	5	5	5	
11	Ngoại ngữ	Cái	2	2	2	
12	GD quốc phòng	Cái	6	6	6	
13	GD Thể chất	Cái	8	8	8	

**\*Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.**

STT	DANH MỤC SÁCH LỚP 10
1	Toán 10, tập 1 (KNTT)

2	Toán 10, tập 2, (KNTT)
3	Chuyên đề học tập Toán 10 (KNTT)
4	Ngữ văn 10, tập 1 (Cánh diều)
5	Ngữ văn 10, tập 2 (Cánh diều)
6	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh diều)
7	Tiếng anh 10 Global Success- SHS
8	Lịch sử 10 (Cánh diều)
9	Giáo dục Quốc phòng an ninh 10 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông (Cánh diều)
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Cánh diều)
12	Địa lý 10 (Cánh diều)
13	Giáo dục kinh tế pháp luật 10 (KNTT)
14	Sinh học 10 (KNTT)
15	Vật lý 10 (KNTT)
16	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (KNTT)

<b>STT</b>	<b>DANH MỤC SÁCH LỚP 11</b>
1	Toán 11, tập 1 (KNTT)
2	Toán 11, tập 2, (KNTT)
3	Chuyên đề học tập Toán 11 (KNTT)
4	Ngữ văn 11 tập 1 (Cánh diều)
5	Ngữ văn 11, tập 2 (Cánh diều)
6	Chuyên đề Ngữ văn 11 (Cánh diều)
7	Tiếng anh 11 Global Success- SHS
8	Lịch sử 11 (Cánh diều)
9	Giáo dục Quốc phòng an ninh 11 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ (Cánh diều)
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Cánh diều)
12	Địa lý 11 (Cánh diều)
13	Giáo dục kinh tế pháp luật 11 (KNTT)

14	Sinh học 11 (KNTT)
15	Vật lý 11 (KNTT)
16	Chuyên đề học tập Vật lý 11 (KNTT)
17	Hoá học 11 (KNTT)
18	Chuyên đề học tập Hoá học 11 (KNTT)
19	Chuyên đề học tập Địa lý 11 (Cánh diều)
20	Tin học 11 - Ứng dụng (Cánh diều)

<b>STT</b>	<b>DANH MỤC SÁCH LỚP 12</b>
1	Toán 12, tập 1 (KNTT)
2	Toán 12, tập 2, (KNTT)
3	Chuyên đề học tập Toán 12 (KNTT)
4	Ngữ văn 12 tập 1 (Cánh diều)
5	Ngữ văn 12, tập 2 (Cánh diều)
6	Chuyên đề Ngữ văn 12 (Cánh diều)
7	Tiếng anh 12 Global Success- SHS
8	Lịch sử 12 (Cánh diều)
9	Giáo dục Quốc phòng an ninh 12 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 10 – Đá cầu (Cánh diều)
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Cánh diều)
12	Địa lý 12 (Cánh diều)
13	Giáo dục kinh tế pháp luật 12 (KNTT)
14	Sinh học 12 (KNTT)
15	Vật lý 12 (KNTT)
16	Chuyên đề học tập Vật lý 12 (KNTT)
17	Hoá học 12 (KNTT)
18	Chuyên đề học tập Hoá học 12 (KNTT)
19	Chuyên đề học tập Địa lý 12 (Cánh diều)
20	Tin học 12 - Ứng dụng (Cánh diều)
21	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (KNTT)

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Kết quả giáo dục đạo đức:

Khối	Tổng (hs)	Xếp loại							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%
10	225	208	92,44	15	6,67	3	0,44		
11	263	233	88,59	29	11,03	1	0,38		
12	191	183	95,81	8	4,19				

- Chất lượng giáo dục đại trà:

Khối	Tổng (hs)	Xếp loại							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%	SL (hs)	%
10	225	63	28	151	67,11	9	4	2	0,89
11	263	116	44,11	134	50,95	10	3,8	3	1,14
12	191	129	67,54	62	32,46				

b) Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Số học sinh được lên lớp: 487 học sinh

- Số học sinh không được lên lớp: 01 học sinh

- Số học sinh đỗ tốt nghiệp THPT: 189 học sinh

- Số học sinh được công nhận hoàn thành Chương trình GDPT năm 2025: 02 học sinh

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục Cơ chế tổ chức hoạt động**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu – Gia Lâm có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ 01 Hội đồng trường với 05 thành viên

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 250 đoàn viên.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 12 tổ chuyên môn

**e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

- Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Hiệu trưởng, 0935721966, [linhanh1966@gmail.com](mailto:linhanh1966@gmail.com)

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 163, đường Ý Lan, xã Gia Lâm, Hà Nội.

## **VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH**

## 1. Công tác thu

### - Công tác thu

- + Tổng thu học phí: 7.040.600.000 VNĐ.
- + Tổng các khoản thu hợp lý, hợp lệ khác của trường: 2.341.688.000 VNĐ.
- + Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2025 - 2026	1.150.000	1.200.000	1.250.000
2026 - 2027	1.200.000	1.250.000	1.350.000
2027 - 2028	1.250.000	1.300.000	1.400.000
2028 - 2029	1.300.000	1.350.000	1.450.000

## 2. Công tác chi

Tổng chi: 9.120.206.000 VNĐ, trong đó:

- + Chi lương và các khoản theo lương: 2.865.560.000 VNĐ, tỷ lệ chi 30,5%.
- + Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 669.147.000 VNĐ, tỷ lệ chi 0,7%.
- + Chi đầu tư cơ sở vật chất : 4.920.415.000 VNĐ, tỷ lệ chi 41.6 %.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Thị Lan Hương*